

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIẾN XƯƠNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 11 - 2021

*V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Đức

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Như Trang và bà Vũ Thị Hoàn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021, về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Xuân H, sinh năm 1991.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1989;

Đều ở địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Anh H và chị V có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn anh Trịnh Xuân H có yêu cầu khởi kiện và trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh và chị V tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 08/4/2011. Sau kết hôn, anh chị chung sống làm ăn tại xã V, trong thời gian chung sống không được hạnh phúc, mâu thuẫn thường xuyên, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 8/2020 chị V đã bỏ về nhà mẹ đẻ và không quan tâm tới gia đình, con cái. Anh đã nhiều lần sang thuyết phục chị V về để

cùng nuôi dạy con cái nhưng chị V không về. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị V.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Thủy T, sinh ngày 16/4/2012, từ ngày chị V bỏ nhà đi, anh chăm sóc con chu đáo, hiện nay con đang ở với anh, ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày tại phiên tòa như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Việc kết hôn như anh H đã trình bày là đúng, nhưng quá trình chung sống chị cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã V, chị ở nhà lao động tự do, anh H đi lái tàu ba bốn tháng mới về nhà một lần, cuộc sống cũng hạnh phúc, đến năm 2020 chị phát hiện anh H ngoại tình nên vợ chồng có xô xát, do tức giận nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở và đi làm công nhân may, thỉnh thoảng có về thăm con. Khi anh H làm đơn ly hôn chị có ký đơn thuận tình ly hôn, nhưng khi ký là do chị nghĩ để thử xem thái độ của anh H thế nào thôi, chứ chị vẫn muốn đoàn tụ, vẫn còn tình cảm vợ chồng. Nay anh H vẫn xin ly hôn nhưng chị muốn con cái không bị thiệt thòi, thiếu tình cảm của bố mẹ nên chị xin được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trịnh Thủy T, sinh ngày 16/4/2012, hiện nay con đang ở với anh H, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của anh H thì chị xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con vì chị có thu nhập ổn định từ 07 triệu đồng đến 10 triệu đồng mỗi tháng, chị ở cùng với bố mẹ đẻ của chị, có đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

- Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, cán bộ đại diện cho Đoàn thể, đại diện Chính quyền cung cấp cho biết: Anh H và chị V có hộ khẩu thường trú tại xã V. Anh chị kết hôn tại xã V vào ngày 08/4/2011, sau kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình anh H, thôn Đ nay là thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị V đã về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân. Hộ khẩu thường trú của chị V vẫn ở thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, chị V thỉnh thoảng có về nhà thăm con. Vợ chồng có 01 con chung

là Trịnh Thủy T, sinh ngày 16/4/2012, ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung không có, không nợ các quỹ của tập thể.

- Tòa án lấy lời khai của bà Đặng Thị Ch (Mẹ đẻ anh H), được bà Ch cho biết: Vợ chồng anh H và chị V có quá trình chung sống như anh H đã trình bày là đúng, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, đến nay anh H xin ly hôn chị V quan điểm của gia đình bà là vợ chồng anh H và chị V không thể trở về đoàn tụ với nhau được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết sớm để anh H ổn định cuộc sống, nuôi dạy con. Nên giao con chung cho anh H nuôi vì cháu ở với anh H từ bé, và bà cũng phụ giúp chăm sóc cháu. Về tài sản chung thì vợ chồng anh H chị V không có gì.

- Tòa án lấy lời khai của cháu Trịnh Thủy T: Cháu T có nguyện vọng ở với bố (anh H).

\* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện cơ bản các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy từ tháng 10/2020 chị Von đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp được. Hai vợ chồng thuận tình ly hôn, tuy nhiên quá trình giải quyết chị V không đến làm việc, như vậy thể hiện chị đã bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, không có sự níu kéo, không quan tâm đến cuộc sống gia đình với anh H. Tại phiên tòa hôm nay chị V mong muốn con có cả cha và mẹ nên chị không đồng ý ly hôn, chị V chấp nhận cuộc sống gia đình với anh H mặc dù anh H vẫn kiên quyết ly hôn. Như vậy xét thấy cuộc sống vợ chồng của anh chị không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh H.

Về con chung: Anh H và chị V có 01 con chung là cháu Trịnh Thủy T, sinh ngày 16/4/2012, hiện cháu đang sinh sống cùng anh Hai. Anh Hai có nguyện vọng tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị V cấp dưỡng. Cháu T có nguyện vọng ở cùng bố. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trịnh Thủy T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, chị làm công nhân may, có thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng, hiện chị đang sinh sống cùng với bố mẹ đẻ của chị, gia đình có đủ điều kiện để chị nuôi dưỡng cháu T. Xét về nguyện vọng của chị V là chính đáng, cháu T là con gái, hiện còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ để cháu phát triển toàn diện

về thể chất và tâm sinh lý, bên cạnh đó tại phiên tòa hôm nay anh H cũng nhất trí để chị V được trực tiếp nuôi con nên cần chấp nhận nguyện vọng của anh chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội đề nghị:

- Về hôn nhân: Xử cho anh Trịnh Xuân H được ly hôn chị Nguyễn Thị V.
- Về con chung: Giao con là cháu Trịnh Thủy T, sinh ngày 16/4/2012 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. H bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con sau ly hôn.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị giải quyết.
- Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm .

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[I] Về pháp luật tố tụng:

[1] Bị đơn là chị Nguyễn Thị V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, và thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ tình trạng hôn nhân và địa chỉ của nguyên đơn, bị đơn vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân của anh H và chị V có giấy chứng nhận kết hôn, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng không được hạnh phúc, sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa anh H và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần giải quyết cho anh H được ly hôn với chị V là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung:

Anh H và chị V có 01 con chung là Trịnh Thủy T, sinh ngày 16/4/2012, anh H đang trực tiếp nuôi con chu đáo từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng, khi Tòa án lấy lời khai của cháu T chị V không có mặt, cháu T có nguyện vọng ở với bố. Tuy nhiên tại phiên tòa chị V trình bày có đủ điều kiện về thu nhập và chỗ ở, thời gian chăm sóc con, chị có nguyện vọng thiết tha được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng và anh H đã đồng ý để chị V được trực tiếp nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của anh H và chị V là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung:

Anh H và chị V đều khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí:

Anh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho anh Trịnh Xuân H được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

2. Về con chung:

- Giao cho chị V trực tiếp nuôi con chung là Trịnh Thủy T, sinh ngày 16/4/2012, chấp nhận việc chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.
- Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Anh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001451 ngày 08/9/2021 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Anh H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

*5. Về quyền kháng cáo:*

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Vp Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

***Phạm Minh Đức***